

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày 30/8 /2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thúy và ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại Hội Tr xét xử tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2021/TLHS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn C**, (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 26 tháng 5 năm 2002, tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã NT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Không biết tên bố; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2021, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1998; Trú tại: Xóm TT, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt);

2. Chị Lao Thị T, sinh năm 1995; Trú tại: Xóm TT, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt);

3. Chị Lô Thị Q, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn LĐ, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; Trú tại: Xóm Đ, xã NT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2019 Nguyễn Văn C, sinh năm 2002, trú tại xóm Đ, xã NT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm việc thông qua một người tên T1 (không rõ lai lịch), C quen qua facebook. Tháng 8/2020 C thông qua T1 để về Việt Nam. Tháng 12/2020 C nảy sinh ý định tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc và ngược lại để kiếm tiền. Do đó, C đã đổi tên nick Wechat "Cu Bin" của mình thành "Nhà Xe Việt Trung" và đăng bài quảng cáo đưa người xuất nhập cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau đó, ngày 28/12/2020 C được người dùng Wechat có tên nick "thay đổi" kết bạn, nhắn tin giới thiệu tên là H và nhờ C đưa 03 người em của H là Lô Thị Q, sinh năm 1995, trú tại thôn LĐ, xã CK, huyện CC, Nghệ An; Trần Văn Tr, sinh năm 1998 và Lao Thị T, sinh năm 1995 cùng trú tại xóm TC, xã CK, huyện CC, Nghệ An (Tr và T là vợ chồng) xuất cảnh trái phép đến Quảng Đông, Trung Quốc. C đồng ý và liên hệ với T1 nhờ T1 tổ chức cho 03 người trên xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, T1 đồng ý và thông báo với C chi phí mỗi người xuất cảnh đến Quảng Đông, Trung Quốc là 3.100 nhân dân tệ/người bao gồm 1.750 nhân dân tệ là chi phí đi đến khu vực biên giới Trung Quốc, 1.350 nhân dân tệ là chi phí từ biên giới Trung Quốc đến Quảng Đông, Trung Quốc. Để thu lợi nhuận cho việc tổ chức xuất cảnh trái phép, C thỏa thuận với H chi phí xuất cảnh trái phép sang Quảng Đông, Trung Quốc là 3.300 nhân dân tệ/người, trong đó bao gồm 1.750 nhân dân tệ là chi phí đi đến khu vực biên giới Trung Quốc, 1.550 nhân dân tệ là chi phí từ biên giới Trung Quốc đến Quảng Đông, Trung Quốc, qua đó C được hưởng lợi 600 nhân dân tệ. Tiếp đó H hướng dẫn C kết bạn để liên lạc với tài khoản nick Wechat tên "hoai" của Lao Thị T để hướng dẫn đưa 03 người em của H sang Trung Quốc, H sẽ trả tiền chi phí cho T và Tr, còn chi phí xuất cảnh của Lô Thị Q sẽ tự trả. Được sự hướng dẫn của T1, C liên lạc với nick Wechat tên "hoai" hướng dẫn cho Lao Thị T, Trần Văn Tr, Lô Thị Q tìm đến Nhà nghỉ Lũng Cù, thị trấn NS, Lạng Sơn để nghỉ chờ vượt biên vào ngày 30/12/2020. Tối cùng ngày, chị Lô Thị Q dùng nick Wechat "Bé hìn" liên lạc với C nhờ đổi số tiền 15.000.000đ sang tiền nhân dân tệ và chuyển số tiền đổi được vào tài khoản Wechat của chị Q. C đồng ý đổi giúp chị Q với mức quy đổi 15.000.000đ tiền Việt Nam đổi được 4.235 đồng nhân dân tệ, chị Q đã chuyển khoản ngân hàng số tiền 15.000.000đ vào tài khoản Vietinbank số tài khoản 104872182303 của C. Sau đó C liên lạc với một người Trung Quốc để đổi tiền giúp chị Q nhưng chưa chuyển được số tiền 4.285 nhân dân tệ cho chị Q. Khoảng 19 giờ ngày 01/01/2021, C thông báo và hướng dẫn cho Tr, T và Q lên xe ô tô chờ sẵn đón 03 người để đi đến biên giới Việt Nam – Trung Quốc để

vượt biên trái phép, trên xe lúc này có 02 người khác cùng đi, khi đến khu vực biên giới thì có 01 người đàn ông cầm đèn pin đứng chờ sẵn dẫn 05 người đi tiếp được khoảng 1 tiếng thì gặp thêm 06 người Việt Nam tiếp tục cùng nhau đi theo đường mòn vượt biên giới, đến ngày 04/01/2021 thì đi đến đất Trung Quốc. Tiếp đó Tr, T và Q cùng 08 người cùng đi được 02 người Trung Quốc đón bằng 02 xe ô tô để đi sâu vào nội địa Trung Quốc thì bị Công an Trung Quốc phát hiện bắt giữ. Đến ngày 15/01/2020, Tr, T và Q cùng 08 người cùng đi được Cơ quan chức năng của Trung Quốc trao trả về Việt Nam rồi tiếp tục bị đưa đi cách ly tại Bắc Giang cho đến hết ngày 29/01/2021. Về tiền chi trả cho việc tổ chức xuất cảnh trái phép thì thông qua hướng dẫn của C, H đã thanh toán tiền cho C thông qua người nhận tiền bên Trung Quốc để người này thanh toán tiền cho T1, còn đối với chị Q thì C tự trừ đi số tiền 6.125.000đ (tương đương 1.750 nhân dân tệ) trong tổng số tiền 15.000.000đ mà chị Q đã chuyển khoản cho C trước đó, số tiền còn lại của chị Q mà C còn lưu giữ là 8.875.000đ, đến ngày 03/02/2021 C tự nguyện nộp lại số tiền 9.000.000đ cho Cơ quan an ninh điều tra – Công an tỉnh Thái Nguyên để hoàn trả lại tiền cho chị Q.

Tại bản cáo trạng số 39/CT- VKS ngày 23/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Nguyễn Văn C về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo và đề nghị: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 348; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ 18 đến 24 tháng tù; phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ nhà nước;

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo trả cho chị Q số tiền là 8.875.000đ.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Truy thu của bị cáo số tiền 6.125.000đ là tiền thu lời bất chính; tiếp tục tạm giữ của bị cáo 9.000.000đ và số tiền trong tài khoản ngân hàng Vietinbank và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus để đảm bảo thi hành án cho bị cáo; Trả cho bị cáo thẻ ngân hàng (sau khi đã xử lý số tiền trong thẻ); buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên cơ quan an ninh điều tra, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; việc thu thập tài liệu chứng cứ của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đúng pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án, có 3 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trần Văn Tr; Lao Thị T và Lô Thị Q đều trú tại xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ủy thác cho tòa án nhân dân huyện CC, tỉnh Nghệ An tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định. Theo biên bản xác minh của công an xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An xác định: anh Tr, chị T và chị Q hiện không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Tòa án nhân dân huyện CC đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại trụ sở UBND xã CK, huyện CC tỉnh Nghệ An. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, 3 người này vắng mặt nhưng những người này đã có đủ lời khai tại cơ quan điều tra, xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đã thảo luận và quyết định: tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật .

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Do đã được người khác tổ chức vượt biên xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc vào tháng 10/2019 nên sau khi về Việt Nam vào tháng 8/2020, Nguyễn Văn C đã nảy sinh ý định tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để hưởng lợi cá nhân. Từ ngày 28/12/2020 đến ngày 04/01/2021, Nguyễn Văn C đã tổ chức cho 03 người Việt Nam là chị Lô Thị Q, anh Trần Văn Tr và chị Lao Thị T xuất cảnh trái phép từ tỉnh Lạng Sơn đi bộ qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc với giá 3.300 tệ (khoảng 11.550.000 đồng). Nếu sự việc thành công C sẽ được hưởng lợi 200 tệ mỗi người (tương đương 700.000đ). Đến ngày 04/01/2021 ba người gồm Lô Thị Q, Trần Văn Tr, Lao Thị T khi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị bắt giữ, đến ngày 15/01/2021 thì được Cơ quan chức năng của Trung Quốc trao trả về Việt Nam và đã trình báo Cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của C. Về tiền chi trả cho việc tổ chức xuất cảnh trái phép thì thông qua hướng dẫn của C, H đã thanh toán tiền cho C thông qua người nhận tiền bên Trung Quốc để người này thanh toán

tiền cho T1, còn đối với chị Q thì C tự trừ đi số tiền 6.125.000đ(tương đương 1.750 nhân dân tệ) trong tổng số tiền 15.000.000đ mà chị Q đã chuyển khoản cho C trước đó, số tiền còn lại của chị Q mà C còn lưu giữ là 8.875.000đ, đến ngày 03/02/2021 C tự nguyện nộp lại số tiền 9.000.000đ cho Cơ quan an ninh điều tra – Công an tỉnh Thái Nguyên để hoàn trả lại tiền cho chị Q.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng số 39/CT-VKS-P1 ngày 23/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn C về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 348: Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

“1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức cho người khác xuất cảnh, ... trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của nhà nước, gây mất trật tự xã hội, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ làm lây lan dịch bệnh Covid – 19 có thể gây hậu quả không lường hết được trong tình hình hiện nay. Hành vi đó cần phải được xét xử nghiêm minh đối với bị cáo theo quy định.

[4] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và đã nhờ mẹ để đưa cho bị cáo 9.000.000đ để nộp số tiền bồi thường cho chị Q nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo cũng bảo đảm tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích vụ lợi nên cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Qua điều tra xác định, bị cáo còn giữ của chị Q số tiền 8.875.000đ. Chị Q yêu cầu bị cáo phải trả cho chị số tiền nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị L đã đưa cho bị cáo 9.000.000đ nộp cho cơ quan điều tra để trả cho chị Q số tiền nêu trên.

[7]. Đối với số tiền 9.000.000đ bà L đưa cho bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bà L không có đề nghị gì nên không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án được xử lý theo Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự cụ thể:

- Đối với số tiền 6.125.000đ là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo để sung quỹ nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus đã thu giữ của bị cáo, theo bị cáo khai không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trong số tiền bị cáo nộp tại cơ quan điều tra 9.000.000đ cần trả cho chị Lô Thị Q 8.875.000đ; còn lại 125.000đ và số tiền tại tài khoản ngân hàng trong thẻ Vietinbank cần tạm giữ đảm bảo thi hành án cho bị cáo; Trả cho bị cáo thẻ ngân hàng (sau khi đã xử lý số tiền trong thẻ).

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận những lời đề nghị nêu trên.

[11]. Trong vụ án này, còn có các đối tượng có tên là T1 và hai người đàn ông (trong đó một lái xe và một người dẫn đường vượt biên) đã cùng với Nguyễn Văn C tổ chức cho 03 người trên xuất cảnh trái phép nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể. Đối với Trần Thị H là người giới thiệu để C tổ chức cho ba người xuất cảnh trái phép có dấu hiệu phạm tội “*Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép*” nhưng hiện H đang sinh sống, làm việc tại Trung Quốc nên không triệu tập, làm việc được. Do vậy Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”

1. Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 348; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/2/2021. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2 Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo trả cho chị Lô Thị Q số tiền là 8.875.000đ.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự :

- Truy thu của bị cáo số tiền 6.125.000đ để sung quỹ nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 9.000.000 đồng (do bị cáo nộp cho cơ quan điều tra để trả cho chị Q 8.875.000đ). Còn lại 125.000đ tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Tạm giữ số tiền tại tài khoản ngân hàng trong thẻ Vietinbank để đảm bảo thi hành án cho bị cáo; Trả cho bị cáo thẻ ngân hàng (sau khi đã xử lý số tiền trong thẻ ngân hàng). Chiếc thẻ đựng trong 01 (một) bì niêm phong ký hiệu C1, bên ngoài ghi có 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, số thẻ 970415154834755.

- Tạm giữ của bị cáo 1 điện thoại di động đựng trong 01 phong bì ký hiệu C2, bên ngoài ghi có 01 điện thoại di động để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Số tiền đang có tại tài khoản theo ủy nhiệm chi số 236 ngày 27/7/2021 và tình trạng các vật chứng trên hiện đang có tại kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản về việc giao nhận vật chứng số 55 ngày 27/7/2021).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà L). Báo cho những người này biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (gồm anh Tr; chị T và chị Q đều vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, Hà Nội
- VKSND cấp cao, Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THAHS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo C (qua Trại giam);
- Lưu hồ sơ vụ án và Tòa án.

Trần Khánh Hồng